

CHỢ TRUYỀN THỐNG Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ TỪ BAO CẤP ĐẾN ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP (1975-2016)

LÊ QUANG CẦN*

Sau năm 1975, miền Nam nói chung, Đông Nam Bộ nói riêng chuyển từ kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa sang cơ chế kinh tế tập trung quan liêu bao cấp dưới sự quản lý của Nhà nước trên mọi lĩnh vực. Hoạt động thương nghiệp ở miền Đông Nam Bộ bị tác động tiêu cực bởi chính sách "cải tạo tư bản tư doanh". Hệ thống chợ trong vùng giảm dần vai trò của mình với sự ra đời của hệ thống cửa hàng hợp tác xã thương nghiệp quốc doanh. Sau năm 1986, Việt Nam thực hiện cải cách kinh tế, chủ động hội nhập khu vực và thế giới; hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ từng bước hồi sinh, nhiều chợ mới ra đời đáp ứng nhu cầu dân sinh và phát triển kinh tế, góp phần tích cực vào sự hình thành vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Từ khóa: chợ truyền thống miền Đông Nam Bộ, bao cấp, đổi mới, hội nhập

Nhận bài ngày: 10/6/2017; *đưa vào biên tập:* 1/7/2017; *phản biện:* 22/7/2017; *duyet đăng:* 28/9/2017

1. MỞ ĐẦU

Sau năm 1975, Đảng, Nhà nước chủ trương thực hiện chính sách "cải tạo tư bản tư doanh" đưa miền Nam cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh đó, hệ thống chợ truyền thống ở miền Đông Nam Bộ có nhiều chuyển biến. Từ năm 1975 đến năm 1981 hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ nằm trong đối tượng "cải tạo công thương nghiệp xã hội chủ nghĩa", dẫn đến tình trạng "ngăn sông cấm chợ", kìm hãm sự phát triển của kinh tế hàng hóa. Từ năm 1979 đến năm 1985, trước những khó khăn của đất nước, Đảng và Nhà nước đã chủ

động tìm kiếm giải pháp thay đổi cơ chế quản lý phù hợp. Năm 1986, Đại hội Đảng toàn quốc lần VI đề ra chính sách đổi mới toàn diện đất nước. Hệ thống chợ truyền thống cả nước nói chung, miền Đông Nam Bộ nói riêng có sự chuyển biến mạnh mẽ từ tình trạng "ngăn sông cấm chợ" sang tự do hóa thị trường và hội nhập quốc tế. Bài viết này nhằm làm rõ những chuyển biến về kinh tế - xã hội trong giai đoạn 1975-2016 từ một góc nhìn còn ít được nghiên cứu, đó là hoạt động thương mại của các chợ truyền thống ở Nam Bộ. Để thực hiện nghiên cứu này, ngoài các tài liệu gốc (trong các kho lưu trữ) và kế thừa các nghiên cứu đi trước, chúng tôi còn

* Ban Tuyên giáo tỉnh Đồng Nai.

thực hiện phỏng vấn sâu cán bộ ban quản lý chợ và tiểu thương buôn bán lâu năm ở một số chợ Đông Nam Bộ về thực trạng hoạt động của chợ qua hai giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1985 và từ năm 1986 đến năm 2016.

2. CHỢ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ THỜI KỶ BAO CẤP (1975-1985)

2.1. Chính sách Nhà nước

Sau năm 1975, Đông Nam Bộ (và cả miền Nam) “sau khi tiếp quản, điện văn sáng, các vòi nước vẫn chảy, chợ vẫn họp, nhân dân sinh hoạt bình thường. Mọi hoạt động của xã hội không những đã trở lại bình thường mà còn tốt hơn... Miền Nam tuy một mặt bị chiến tranh tàn phá khốc liệt, nhưng mặt khác, trong nền kinh tế và đời sống, đã được gieo cấy những mầm mống của kinh tế thị trường, những thói quen trong các quan hệ hàng hóa... Về mặt kinh tế, đời sống tương đối dễ chịu, hàng hóa phong phú, giá rẻ hơn nhiều so với miền Bắc. Các luồng lưu thông được nối lại và bình thường hóa...” (Đặng Phong 2015: 21-22).

Tuy nhiên, để hướng miền Nam cùng với cả nước đi theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước đề ra nhiều chủ trương, chính sách về kinh tế - xã hội. Theo đó, trong lĩnh vực thương nghiệp “Nhà nước nắm hoàn toàn khâu buôn bán, nắm một phần bán lẻ và chỉ phối việc bán lẻ phần lớn các mặt hàng quan trọng đối với đời sống nhân dân. Chuyển một số người làm công tác buôn bán ở thành phố và thị trấn sang

sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp... Đối với thương nghiệp nhỏ, cần tích cực cải tạo xã hội chủ nghĩa bằng cách tổ chức đăng ký kinh doanh, có chính sách thuế và chế độ kiểm kê, kiểm soát, chuyển phần lớn tiểu thương sang sản xuất, lựa chọn một số người làm kinh tiêu” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2004, tập 36: 360, 416). Song song với việc hạn chế hoạt động kinh doanh buôn bán và sở hữu tài sản tư nhân, Nhà nước lập ra hệ thống hợp tác xã thương nghiệp quốc doanh, cửa hàng bách hóa tổng hợp quốc doanh... nhằm hạn chế vai trò của tư thương. Điều này đã làm cho hệ thống chợ truyền thống ở miền Đông Nam Bộ từng bước giảm dần hoạt động trao đổi hàng hóa, một số ít chợ còn tồn tại nhưng không còn tấp nập, nhộn nhịp như trước, như chợ Bến Thành, chợ Bình Tây, chợ Biên Hòa, chợ Vũng Tàu... Ngoài ra, để tập trung đầu mối thu mua và phân phối hàng hóa đến người tiêu dùng, chính quyền các địa phương thành lập nhiều trạm kiểm soát hàng hóa trên các tuyến đường tỉnh lộ và quốc lộ. Vì vậy, hàng hóa trao đổi trong các chợ truyền thống ở miền Đông Nam Bộ ngày một khan hiếm, khiến cho đời sống các tầng lớp nhân dân trong vùng gặp khó khăn. Trong khi hoạt động của các chợ truyền thống giảm sút, thì hệ thống phân phối lưu thông hàng hóa của Nhà nước gồm các hợp tác xã thương nghiệp quốc doanh, cửa hàng bách hóa tổng hợp quốc doanh lại không đáp ứng đủ nhu cầu

người dân. Hàng hóa phân phối của Nhà nước luôn luôn bị thiếu hụt và chất lượng thấp. Nguyên nhân của tình trạng này là do Nhà nước thu mua hàng hóa của người sản xuất luôn thấp hơn so với giá cả ở thị trường tự do dẫn đến giảm sức sản xuất. Đồng thời, trong giai đoạn này Việt Nam đang chịu sự bao vây cấm vận từ Mỹ và giảm sút viện trợ từ nước ngoài dẫn đến sự mất cân đối cung cầu hàng hóa trên thị trường. Tất cả tình hình trên là nguyên nhân khiến kinh tế - xã hội Việt Nam lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Do đó, ngày 18/5/1979, Bộ Chính trị ra Thông báo số 10-TB/TW về việc khẩn cấp điều chỉnh một số chỉ tiêu và biện pháp kinh tế của hai năm cuối kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1979-1980). Theo đó, "Bộ Chính trị khẳng định một số thiếu sót trong mấy năm vừa qua và đưa ra những ý kiến có tính chất chỉ đạo về phương hướng cho các năm tới. Đó chính là một cách gián tiếp thừa nhận rằng: một số biện pháp tưởng là đúng đắn trước đây đã tỏ ra không có hiệu quả, ngược lại những ý kiến bị quy kết là sai lầm và chệch hướng, nay cần được lắng nghe và xem xét một cách nghiêm túc" (Đặng Phong 2015: 46). Sự thay đổi chính sách quản lý của Đảng và Nhà nước được Đặng Phong (2015: 47, 48) đánh giá: "Thay vì áp đặt bằng ý chí những chỉ tiêu từ trên xuống, thì đã thấy đồng thời phải làm kế hoạch từ dưới lên... Sau khi có thông báo của Bộ Chính trị, nhiều địa phương đã tự động tháo gỡ khó khăn... nhiều địa

phương đã tự ý phá rào, như trường hợp Công ty Lương thực TPHCM thu mua một số thực phẩm ở Long An... Phong trào tháo gỡ kể trên không những đã giải quyết được một phần nào đó những khó khăn ách tắc ở cơ sở mà còn hỗ trợ cho những cách suy nghĩ mới: tìm cách giải phóng cho sức sản xuất, giải tỏa cho lưu thông".

Đối với việc quản lý chợ, chính sách nhà nước từng bước có sự thay đổi. Ngày 23/11/1982, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 188-HĐBT về *tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường*. Theo đó, Chính phủ định hướng chính sách thương nghiệp là "xóa bỏ tình trạng cắt khúc lưu thông hàng hóa theo cấp hành chính khiến cho sự vận động của hàng hóa phải qua nhiều khâu trung gian không cần thiết, tận dụng khả năng làm cho hàng hóa đi thẳng từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ. Xóa bỏ tình trạng chia cắt thị trường ra từng mảnh, gây ách tắc lưu thông và làm hỗn loạn giá cả; bảo đảm tính thống nhất của thị trường cả nước. Hợp lý hóa hệ thống tổ chức kinh doanh thương nghiệp, tổ chức nào làm nhiệm vụ kinh doanh nào có hiệu quả nhất, tiết kiệm chi phí lưu thông nhất, thì giao cho tổ chức ấy đảm nhiệm. Không nhất thiết mỗi cấp quản lý hành chính đều phải có tổ chức kinh doanh thương nghiệp của riêng mình, dẫn đến bộ máy chồng chéo, giẫm đạp lên nhau" (Hội đồng Bộ trưởng 1982: 6-7).

Như vậy, sau năm 1975, quá trình quản lý tập trung quan liêu bao cấp

của Nhà nước đã có tác động tiêu cực đến sự khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và phát triển sản xuất. Đến năm 1979, nhà nước đã có những điều chỉnh, tuy nhiên, phải đến năm 1985 sự thay đổi chính sách quản lý nhà nước về thương nghiệp mới từng bước đi vào cuộc sống, góp phần tạo tiền đề cho công cuộc đổi mới đất nước năm 1986.

2.2. Cách thức quản lý của Nhà nước

Trong thời kỳ này, cuộc sống của công chức, viên chức, lực lượng vũ trang cả nước, trong đó có miền Đông Nam Bộ, đặt dưới sự bao cấp của Nhà nước. Phần lớn hàng hóa, nhu yếu phẩm, lương thực, thực phẩm..., đều phải mua bằng sổ mua hàng và tem phiếu, hoặc phân phối thông qua các cơ quan, đơn vị theo định mức được quy định cho các loại đối tượng⁽¹⁾. Mức độ và đối tượng phân phối hàng hóa ở nông thôn và thành thị có sự khác nhau. Ở nông thôn, Nhà nước chỉ phân phối một số hàng hóa thiết thực và khan hiếm như dầu hỏa, xăng, vải, diêm quẹt... còn lại người dân tự túc hoặc mua hàng hóa ở chợ. Ở thành thị hệ thống thương nghiệp quốc doanh phải đảm bảo cung cấp nhiều và đa dạng hơn các loại hàng hóa phục vụ nhu cầu cuộc sống. Tuy nhiên sự đảm bảo này chỉ có tính chất tối thiểu và chủ yếu dành cho những người đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị của Nhà nước. Trong Báo cáo Đại hội đại biểu lần thứ 2 (1983) của TPHCM còn ghi rõ: "Tất cả các đối tượng hàng cung cấp bằng

hiện vật đều được cấp sổ mua hàng; nếu là tập thể thì cấp sổ mua hàng tập thể; nếu là cá nhân thì cấp sổ mua hàng gia đình. Mỗi sổ mua hàng được đăng ký mua hàng cố định tại một cửa hàng nơi cư trú hoặc nơi làm việc" (Thành ủy TPHCM 1983: 99).

Hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa ở hệ thống chợ miền Đông Nam Bộ bị cấu trúc lại: "thương nghiệp bán buôn của tư nhân bị xóa bỏ triệt để. Thương nghiệp bán lẻ được cải tạo thành các tổ dịch vụ. Một số lớn thương nhân được đưa về các vùng kinh tế mới để khai hoang, tổ chức sản xuất. Chỉ những người buôn thúng bán bưng... thì còn tồn tại" (Đăng Phong 2015: 36). Tuy nhiên chính sách quốc doanh hóa thương nghiệp của chính quyền sớm bộc lộ là không phù hợp, thể hiện qua tình trạng khan hiếm hàng hóa trầm trọng, không đáp ứng cuộc sống bình thường của nhân dân trong thời gian này.

Để cải thiện nguồn hàng hóa, năm 1982, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 188-HĐBT ngày 23/11/1982, với những thay đổi trong quan điểm: "Quản lý thị trường cuối cùng phải đạt được mục đích mở rộng lưu thông hàng hóa một cách có tổ chức, có trật tự, thúc đẩy sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân. Quản lý không phải là cấm chợ, ngăn sông làm cho lưu thông hàng hóa bị ách tắc, thị trường bị chia cắt, gây phiền hà cho nhân dân. Phải áp dụng đồng bộ các biện pháp kinh tế và hành chính, tư tưởng và tổ chức, trong đó nắm vững biện pháp

kinh tế là cơ bản, mà biện pháp kinh tế quan trọng nhất là thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải nắm nguồn hàng tận gốc, mở rộng kinh doanh, chiếm lĩnh thị trường..." (Hội đồng Bộ trưởng 1982: 3). Trong đó, về tổ chức và quản lý hệ thống chợ, nghị quyết nêu rõ phải "sắp xếp và quy hoạch hợp lý các chợ trên từng địa bàn, chấn chỉnh các tổ chức quản lý chợ, thu hút hết người mua, người bán vào chợ. Đặc biệt, chú trọng tổ chức tốt các chợ ở miền núi, qua đó mà mở rộng giao lưu hàng hóa, thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện đời sống nhân dân..." (Hội đồng Bộ trưởng 1982: 10). Thực hiện nghị quyết này của Chính phủ, tình trạng "ngăn sông cấm chợ" bước đầu được giải tỏa, hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ từng bước phục hồi hoạt động, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

2.3. Thực trạng hoạt động của chợ truyền thống

Do Nhà nước cố gắng nắm quyền quản lý hệ thống bán buôn, bán lẻ, nên trong thời kỳ này, người sản xuất không được tự do vận chuyển hàng hóa từ địa phương này sang địa phương khác để trao đổi, mua bán. Vì vậy, "đã xuất hiện tình trạng bán không bán được, mua không mua được. Sự ách tắc không phải ở chỗ không có gì để bán và cũng không phải không có tiền để mua" (Đặng Phong 2015: 25), mà là không được tự do trao đổi hàng hóa.

TPHCM là nơi có nhiều chợ lâu đời, quy mô lớn như chợ Bến Thành, chợ

Bình Tây, chợ An Đông, chợ Gò Vấp, chợ Thủ Đức, chợ Thái Bình... nhưng do chính sách "ngăn sông cấm chợ" nên hàng hóa lưu thông kém, có nhiều mặt hàng bị thiếu hụt, không đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân. Bà H.Đ.N.D (67 tuổi, TPHCM) nhớ lại: "Mọi hoạt động mua bán của tiểu thương tại tất cả các chợ ở TPHCM đều do các công ty thương nghiệp nhà nước quản lý. Với vai trò kế toán tại Công ty Thương nghiệp Tổng hợp chợ Bình Tây, tôi thấy Nhà nước siết chặt việc quản lý mua bán tại các chợ nhưng trên thực tế không thể quản lý được, vì các tiểu thương tìm nhiều biện pháp gian lận trong thu mua và buôn bán hàng hóa...". Câu chuyện của bà P.T.S (62 tuổi, Biên Hòa, Đồng Nai) là một ví dụ: "Do hoàn cảnh thực tế của gia đình, từ năm 1976 đến năm 1980, tôi tham gia buôn bán lậu các loại hàng hóa như gạo, đường, cá, thịt... từ nhiều địa phương khác như Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, TPHCM,... bán tại các chợ ở Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Nai... thu lợi nhuận chênh lệch khá lớn để nuôi sống gia đình...". Sự "gian lận" và buôn bán lậu xảy ra khá phổ biến ở các chợ thời gian này. Đó là biểu hiện của sự phản kháng, dù là ngấm ngấm của các tiểu thương về chính sách quản lý chợ của chính quyền. Nhưng có thể nói chính các hoạt động buôn lậu và "gian lận" ấy của các tiểu thương đã giúp các chợ truyền thống ở TPHCM, dù trong hoàn cảnh lưu thông khó khăn, vẫn là nguồn cung cấp hàng hóa chủ yếu cho cuộc sống

của người dân thành phố, đặc biệt là người dân thường (không phải là cán bộ, viên chức nhà nước). Tình hình của các chợ ở TP HCM lúc này cũng là tình hình chung của các chợ ở các tỉnh khác của Đông Nam Bộ, với mức độ có thể thấp hơn.

Ở phía ngược lại với chợ truyền thống, hệ thống thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán dù được Nhà nước ưu đãi, nhưng tình hình cũng không khấm khá hơn: “mặt hàng kinh doanh thì nghèo nàn, đơn điệu về mẫu mã, chất lượng kém. Người làm phân phối lưu thông thì thiếu năng động, máy móc, rập khuôn, cứng nhắc; từ đó dẫn đến tệ cửa quyền, ban ơn theo kiểu xin cho. Hàng hóa khan hiếm, thiếu hụt, không đủ cung ứng cho nhu cầu xã hội, cho nên trước cửa hàng mậu dịch thường xảy ra hiện tượng người dân luôn xếp hàng đứng, ngồi chờ đến lượt mình để mua. Thái độ của người mua nhẩn nhục, chịu đựng, còn thái độ của người bán tỏ vẻ ban phát” (Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 2005: 450-451).

Chính sự phục vụ khó mà tốt được của cả hai hệ thống: chợ truyền thống và thương nghiệp quốc doanh, do chính sách của Nhà nước, đã dẫn đến sự hình thành “chợ đen” hoạt động ngay trong nhiều chợ ở miền Đông Nam Bộ. Nguyên nhân ra đời của “chợ đen” chính là do Nhà nước cố gắng nắm giữ chủ yếu hoạt động thương mại, thương mại quốc doanh gần như độc quyền trong thu mua và phân phối các mặt hàng chủ lực như

chất đốt, lương thực, thực phẩm... Bên cạnh đó các địa phương tạo ra tình trạng ngăn sông cấm chợ, khiến sản phẩm làm ra không được tự do lưu thông “dẫn đến tình trạng chênh lệch giữa giá quốc doanh và thị trường tự do, từ đó xuất hiện nạn ‘chợ đen’ - nơi mặt hàng do thương nghiệp quốc doanh cung cấp được bán với giá cao hơn nhiều lần” (Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 2005: 450). Sự bất cập của cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp đối với hoạt động thương nghiệp dẫn đến “tình hình thiếu hụt chung của cả nước là rất trầm trọng. Riêng đối với các tỉnh phía Nam thì tình hình còn trầm trọng hơn, vì cả sản xuất lẫn sinh hoạt đều đã quen với cơ chế thị trường, quen với một nếp tiêu dùng đã hình thành từ nhiều năm trước đó. Người dân miền Nam trước đó chưa bao giờ phải ăn độn thì bây giờ phải ăn hạt bo bo thay gạo” (Đặng Phong 2015: 143).

Năm 1983, trong bối cảnh miền Đông Nam Bộ mạnh mẽ bước vào đổi mới quản lý kinh tế, trong đó có thương nghiệp, chính quyền tỉnh Đồng Nai từng bước nhìn nhận, đánh giá vai trò của chợ truyền thống đối với nhu cầu cuộc sống của người dân. Theo đó, lực lượng tiểu thương bán buôn ở chợ truyền thống được phép chủ động trong mua bán, trao đổi hàng hóa theo quy định của pháp luật. Đồng thời, để hạn chế hoạt động mua bán “chợ đen”, tạo điều kiện cho giới tiểu thương buôn bán tuân thủ đúng pháp luật, chính quyền tỉnh Đồng Nai đã đề ra

biện pháp: “trong quản lý thị trường, thương nghiệp và các ngành phân phối phải chủ động kết hợp với các địa phương, khẩn trương tiến hành tổ chức sắp xếp lại lực lượng tiểu thương theo chính sách cải tạo công thương nghiệp hiện nay. Chính quyền các cấp, nhất là ở huyện và cơ sở phải dựa vào quần chúng, kết hợp với các biện pháp nghiệp vụ của công an, thuế thương nghiệp, thường xuyên tổ chức tiến hành kiểm kê, kiểm soát hoạt động kinh doanh buôn bán của các hộ tư nhân...” và “đưa doanh số bán lẻ của thị trường có tổ chức năm 1983 chiếm khoảng 60%, đến năm 1985 lên khoảng 70% so với tổng mức bán ra...” (Tỉnh ủy Đồng Nai 1983: 48-49). Mặc dù đã có sự “cởi trói” cho thị trường bán lẻ, khôi phục lại hoạt động của chợ truyền thống, tuy nhiên, chính sách quản lý thương nghiệp của chính quyền tỉnh về “tổ chức, sắp xếp lại lực lượng tiểu thương” và “kiểm kê, kiểm soát hoạt động kinh doanh buôn bán của các hộ tư nhân”, nhằm giữ cho “thị trường có tổ chức” vẫn còn gây cản trở hoạt động bình thường của chợ truyền thống.

Đến năm 1985, thấy rõ sự ách tắc từ “ngăn sông cấm chợ”, chính quyền TPHCM quyết tâm tháo gỡ. Chẳng hạn: cho phép Công ty Lương thực chủ động liên hệ các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long mua gạo và bán lại cho người dân ở TPHCM nhằm giải quyết tình trạng thiếu lương thực của thành phố. Tuy nhiên, lúc này chính quyền vẫn còn duy trì hệ thống

thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TPHCM đã viết: “đến năm 1985 hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải nắm đại bộ phận buôn bán, nâng tỉ trọng bán lẻ của thị trường có tổ chức từ 60% trở lên so với thị trường xã hội. Các mặt hàng chủ yếu gạo, rau, thịt, cá, chất đốt, đường, nước mắm, muối phải chiếm tỉ lệ cao hơn. Phải triển khai đều khắp mạng lưới bán lẻ của thương nghiệp quốc doanh, thương nghiệp hợp tác xã” (Thành ủy TPHCM 1985: 76). Song, con số “60%” mà hệ thống thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã muốn hướng tới (như trong Nghị quyết viết) đã cho thấy sự lùi bước của thương nghiệp quốc doanh và sự trở ngại khó cản trở được của chợ truyền thống.

Tại Bình Dương, chính quyền tỉnh bên cạnh nỗ lực cải thiện hoạt động của hợp tác xã thương nghiệp, cũng quan tâm trở lại với hệ thống chợ dân sinh. Vì vậy, song song với việc kiện toàn các công ty chuyên doanh của tỉnh, xây dựng 5 công ty chuyên doanh của mỗi huyện, củng cố các hợp tác xã mua bán, “chính quyền cũng đã tăng cường mạng lưới mua và bán ở cả nông thôn, thành phố và các chợ, làm tốt hơn nữa việc phân cấp quản lý thu mua từng mặt hàng đối với từng ngành, từng địa phương và từng đơn vị cơ sở” (Tỉnh ủy Sông Bé 1985: 42-43).

Như vậy, TPHCM và các địa phương miền Đông Nam Bộ đã bước đầu xóa bỏ ngăn sông cấm chợ, cho phép các

chợ được tham gia trong hệ thống phân cấp quản lý thu mua các mặt hàng nhu yếu phẩm phục vụ người dân. Việc chợ truyền thống trở thành một trong nhiều đối tượng đi trước về xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp là một trong những tín hiệu báo hiệu sự hồi phục của kinh tế thị trường trong đêm trước đổi mới (1986). Sự năng động, linh hoạt, sáng tạo của TPHCM và các địa phương Đông Nam Bộ khác khi thực hiện “xé rào” đổi mới là cơ sở rất quan trọng thúc đẩy sản xuất hàng hóa và lưu thông, góp phần từng bước đưa hệ thống chợ truyền thống trở lại hoạt động theo quy luật khách quan vốn có của nó, tạo nên tác động tích cực đối với kinh tế của các địa phương miền Đông Nam Bộ.

3. CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ THỜI KỲ ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP (1986-2016)

3.1. Chủ trương, chính sách của Nhà nước và các địa phương

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện nền kinh tế trong bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi sâu sắc. Năm 1995, Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN và bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ. Ngày 3/1/1996 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW về tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng XHCN. Theo đó, việc “tổ chức lại thương mại dịch vụ gắn với quy hoạch phát triển trên từng địa bàn,

bảo đảm mua bán thuận tiện, xác lập trật tự thị trường, thực hiện văn minh thương nghiệp. Phát huy vai trò phát triển luồng hàng, khả năng định hướng và điều tiết thị trường xã hội trong khu vực của thị trường đô thị... Phát triển mạng lưới thương mại ở nông thôn, lấy chợ và các cụm kinh tế thương mại dịch vụ ở thị trấn, thị tứ làm mô hình chủ yếu...” (Văn kiện Đảng 2009: 319).

Tại TPHCM, trụ cột kinh tế miền Đông Nam Bộ và cả nước, chính quyền đã đánh giá hệ thống chợ là nhân tố quan trọng, góp phần “xác định và phát triển các yếu tố của thị trường: hàng hóa, dịch vụ, tiền tệ và vốn, sức lao động... Phối hợp với các tỉnh tổ chức tốt mối giao lưu nông sản phẩm hàng hóa trong khu vực để cải tạo thị trường có sức mua lớn ở nông thôn cho sản phẩm công nghiệp thành phố. Mở rộng và từng bước hòa nhập vào các thị trường thế giới, nhất là thị trường Châu Á - Thái Bình Dương” (Thành ủy TPHCM 1991: 58-59). Năm 1998, Việt Nam tham gia Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), năm 2007, Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Điều đó đòi hỏi cả nước nói chung, miền Đông Nam Bộ nói riêng cần có sự thay đổi đáp ứng nhu cầu hội nhập khu vực và thế giới về thương mại, trong đó có việc quản lý hệ thống chợ truyền thống. Vì vậy, hệ thống chợ truyền thống ở TPHCM cần từng bước thay đổi hình thức quản lý và

kinh doanh, khuyến khích “áp dụng mô hình doanh nghiệp đầu tư khai thác kinh doanh chợ thay cho mô hình Ban quản lý”. Bên cạnh đó, thành phố chủ trương xây dựng chuỗi chợ đầu mối ven trung tâm để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động trao đổi hàng hóa, với kế hoạch “xây dựng thương hiệu 3 chợ đầu mối nông sản thực phẩm tập trung trong năm 2009. Phát triển các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và khuyến khích liên kết giữa các hợp tác xã với các doanh nghiệp bán lẻ trong việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất để cung ứng các dịch vụ phân loại, sơ chế, đóng gói bao bì đối với hàng hóa nông sản, thực phẩm. Hàng hóa vào các chợ đầu mối thành phố phải đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, phải được sơ chế, phân loại, đóng gói, bao bì, dán nhãn mác hàng hóa từ nơi thu hoạch đến nơi sản xuất, chế biến” (Ủy ban Nhân dân TPHCM 2009: 7).

Tại Đồng Nai, chính quyền tỉnh “khuyến khích thúc đẩy mở rộng mạng lưới hoạt động thương mại dịch vụ phong phú, đa dạng, toàn diện với tốc độ tăng trưởng cao hơn theo hướng: tổ chức giao lưu hàng hóa giữa thành thị và nông thôn, gắn sản xuất với tiêu thụ, tạo mối liên kết gắn bó giữa kinh doanh nội địa và kinh doanh xuất nhập khẩu. Lấy chợ và cụm kinh tế thương mại dịch vụ ở thị trấn làm địa bàn chủ yếu, thúc đẩy phát triển mạng lưới thương mại ở nông thôn, hình thành mối liên hệ chặt chẽ giữa sản

xuất với mua bán tư liệu sản xuất, vật tư nông nghiệp, nông sản, thực phẩm, hàng tiêu dùng” (Tỉnh ủy Đồng Nai 2001: 71-72). Để nâng cao hơn vai trò của chợ truyền thống trong phát triển kinh tế địa phương, chính quyền tỉnh Đồng Nai tiếp tục “phát triển chợ gắn các điểm du lịch cung ứng vật tư sản xuất, mua bán nông sản, thực phẩm. Nâng cấp những chợ hiện hữu và đầu tư phát triển chợ vùng sâu vùng xa. Xây dựng một số chợ đầu mối theo hướng chuyên doanh để tổ chức mua bán nông sản” (Tỉnh ủy Đồng Nai 2006: 54).

Sau năm 1986, tỉnh Bình Dương đạt nhiều thành tựu ấn tượng, trở thành một trong bốn trụ cột kinh tế của miền Đông Nam Bộ. Về thương nghiệp, chính quyền tỉnh Bình Dương đã sớm chủ động tháo gỡ những khó khăn của cơ chế quản lý bao cấp, từng bước tạo điều kiện để hệ thống chợ truyền thống phục hồi, phát triển và hội nhập. Vì vậy, bên cạnh việc xây dựng các trung tâm thương mại tại thị xã, thị trấn, tỉnh cũng chú trọng “sửa chữa, nâng cấp các chợ hiện có theo quy hoạch, xóa bỏ chợ tạm ở những nơi có mật độ dân cư đông, xây dựng chợ ở những nơi tập trung dân cư và chợ nông thôn. Bình quân tổng mức bán lẻ phải tăng 23 - 25%/năm, bán buôn tăng 21 - 22%/năm” (Tỉnh ủy Sông Bé 1996: 42). Bên cạnh đó, các địa phương tiếp tục “quy hoạch, xây dựng chợ cấp xã hay liên xã” (Tỉnh ủy Bình Dương 2001: 44). Cùng thời gian này, các địa phương Bà Rịa - Vũng Tàu,

Tây Ninh, Bình Phước cũng đều đề ra chính sách cụ thể phát triển hệ thống chợ truyền thống ở nhiều mức độ khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới toàn diện, hội nhập khu vực và thế giới.

3.2. Cách thức quản lý của Nhà nước

Nhằm thúc đẩy sự phát triển hệ thống chợ truyền thống đáp ứng thị trường và hội nhập, Nhà nước đã đề ra nhiều giải pháp quản lý. Ngày 16/10/1996, Bộ Thương mại ban hành Thông tư số: 15-TM/CSTTTN về Hướng dẫn tổ chức và quản lý chợ. Theo đó, chợ được phân thành ba loại theo quy định. Chợ loại 1 là chợ có trên 500 hộ kinh doanh lập cửa hàng, cửa hiệu, sạp hàng buôn bán cố định, thường xuyên. Chợ loại 2 là chợ có từ 100 đến 500 hộ buôn bán cố định thường xuyên. Chợ loại 3 là những chợ còn lại. Nhà nước cũng quy định lập Ban Quản lý đối với các chợ loại 1 và loại 2. Chợ loại 3 căn cứ tình hình cụ thể mà chọn hình thức quản lý. Theo đó, những chợ họp thường xuyên có từ 50 đến 100 hộ kinh doanh cố định hoạt động trong phạm vi liên phường, liên xã có thể lập Ban Quản lý chợ trực thuộc huyện, quận, thị xã. Những chợ nhỏ có dưới 50 hộ kinh doanh cố định, chợ mang tính nội bộ phường, xã, họp không thường xuyên, lập Tổ Quản lý chợ.

Như vậy, đến năm 1996, Nhà nước đã kiện toàn bộ máy quản lý chợ ở các địa phương, thành lập Ban Quản lý chợ có tư cách pháp nhân được pháp luật thừa nhận.

Đến năm 2003, để tiếp tục tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với hệ thống chợ, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003. Theo đó, trong quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, "chợ là một bộ phận quan trọng trong tổng thể kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; từ nay trở đi quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ của địa phương phải bao gồm quy hoạch phát triển chợ. Quy hoạch phát triển chợ phải theo các nguyên tắc hình thành hệ thống mạng lưới chợ với quy mô khác nhau, phù hợp với dung lượng hàng hóa lưu thông trên địa bàn, góp phần phát triển sản xuất và đẩy mạnh lưu thông hàng hóa" (Thủ tướng Chính phủ 2003: 3). Với nghị định trên, chợ và hoạt động của chợ đã được Nhà nước nhìn nhận tầm quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Để đáp ứng nhu cầu hội nhập, Ban Quản lý các chợ ở miền Đông Nam Bộ thực hiện quyền quản lý Nhà nước hoặc thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn để hoạt động kinh doanh buôn bán theo quy định pháp luật (doanh nghiệp đấu thầu thuê lại mặt bằng chợ từ Nhà nước để đầu tư khai thác kinh doanh). Việc thành lập các công ty thương mại tại các chợ nhằm hướng đến các mục tiêu "đẩy nhanh tiến độ đầu tư, nâng cấp và khai thác hiệu quả mặt bằng chợ; đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm và mỹ quan đô thị. Đồng thời, chuyên nghiệp hóa hoạt động khai thác kinh doanh chợ" (Ủy ban Nhân dân TPHCM 2009: 7). Tuy nhiên,

trong xu thế hội nhập quốc tế, từ năm 1995, Nhà nước cũng cho mở mang các hình thức kinh doanh khác như siêu thị, trung tâm thương mại và cửa hàng tiện ích. Các loại hình thương mại này đã từng bước chiếm lĩnh thị phần bán lẻ của chợ truyền thống. Trong bối cảnh đó, hệ thống chợ truyền thống miền Đông Nam Bộ buộc phải thay đổi phương thức quản lý, nâng cấp hạ tầng cơ sở, đặc biệt là phương châm phục vụ khách hàng.

3.3. Hoạt động của hệ thống chợ

Trên cơ sở định hướng của Nhà nước, chính quyền các địa phương tỉnh, thành phố ở miền Đông Nam Bộ đều ra các quyết định về chiến lược phát triển hệ thống chợ truyền thống đáp ứng yêu cầu đổi mới và nhu cầu hội nhập kinh tế tại địa phương⁽²⁾.

Được sự hỗ trợ của chính quyền, hệ thống chợ truyền thống ở miền Đông Nam Bộ phát triển nhanh về số lượng, mạnh về quy mô góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Trong giai đoạn (2005-2010), dân số miền Đông Nam Bộ đã tăng 2.165.300 người, từ 12.380.600 người (2005) lên 14.545.900 người (2010) (Tổng cục Thống kê 2011: 63). Vì vậy, bên cạnh các chợ lớn và lâu đời, trong vùng đã hình thành và phát triển mạnh hệ thống chợ dân sinh và chợ tự phát. Đến năm 2008 "mạng lưới chợ trong vùng có 1.050 chợ các loại,

chiếm 13% số chợ cả nước với mật độ 29,7km²/chợ và 13.500 người/chợ trong khi cả nước bình quân là 41,4km²/chợ và 10.600 người/chợ" (Huỳnh Đức Thiện 2012: 106). Điều đó cho thấy mức độ phát triển của chợ ở miền Đông Nam Bộ vượt hơn nhiều về số lượng và qui mô so với cả nước.

Qua Bảng 1, trong thời gian 4 năm (2008-2011), số lượng chợ truyền thống miền Đông Nam Bộ đã tăng thêm 204 chợ, trung bình mỗi năm tăng 51 chợ. Sự phát triển mạnh mẽ hệ thống chợ truyền thống là do nhu cầu phát triển kinh tế, hội nhập thương nghiệp khu vực và thế giới của vùng. Hình thức hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của chợ truyền thống miền Đông Nam Bộ ngày một đa dạng, phong phú. Hàng hóa trao đổi trong nước và quốc tế phong phú về mẫu mã, chất lượng ngày càng cao. Có thể nói, "mạng lưới chợ đã tạo điều kiện thuận lợi trao đổi, mua bán

Bảng 1. Số lượng chợ ở Đông Nam Bộ qua các năm 2008, 2009, 2010, 2011

Đơn vị: Chợ

Năm/địa phương	2008	2009	2010	2011
Cả nước	7.871	8.495	8.528	8.550
Miền Đông Nam Bộ	572	763	756	776
Bình Phước	50	50	50	50
Tây Ninh	95	103	86	105
Bình Dương	78	81	83	86
Đồng Nai	37	192	193	199
Bà Rịa - Vũng Tàu	74	88	89	79
TPHCM	238	249	255	247

Nguồn: Tổng cục Thống kê 2011: 483-484.

hàng hóa, mở rộng mạng lưới kinh doanh của doanh nghiệp...". Bên cạnh hoạt động nội thương, chợ truyền thống còn mở rộng hoạt động kinh tế cửa khẩu..., tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở, phát triển buôn bán và giao thương biên giới chủ yếu là hoạt động tiểu ngạch..." (Huỳnh Đức Thiện 2012: 106).

Trong Chương trình Quốc gia xây dựng nông thôn mới và cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam được thực hiện gần đây, các địa phương đều coi trọng việc tiếp tục phát triển các chợ truyền thống. Chẳng hạn, tại Bình Dương, trên cơ sở chủ trương của chính quyền "hệ thống chợ và cửa hàng bán lẻ là cơ cấu chủ yếu của ngành thương mại ở khu vực nông thôn trong suốt cả thời kỳ 2011-2020", nên hệ thống chợ nông thôn đã được cải tạo, nâng cấp, di dời và xây dựng mới để đảm bảo có đủ chợ dân sinh ở các xã, các cụm xã phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống hàng ngày của nhân dân. Bên cạnh đó, chính quyền cũng nâng cấp, xây dựng mới các chợ trung tâm thị trấn, hình thành các chợ đầu mối bán buôn tại những nơi có sản xuất hàng hóa tập trung và đủ lớn, có vị trí và điều kiện giao thông thuận lợi, gần các trung tâm tiêu thụ hoặc ở ngoại vi (Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương 2011: 5).

Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chính quyền xác định phát triển hệ thống chợ dân sinh "là loại hình thương mại chủ yếu trên địa bàn nông thôn của

tỉnh trong thời kỳ đến năm 2020". Vì vậy, hiện nay các địa phương đang thực hiện việc nâng cấp và xây mới các chợ nông thôn theo qui hoạch gắn với nhu cầu từng địa bàn. Trước mắt tỉnh đang tập trung nâng cấp cải tạo các chợ hiện có đã xuống cấp, mở chợ mới ở các xã có mật độ dân số cao, có nhu cầu mở chợ (như có khu dân cư mới, khu nhà ở thương mại...), từng bước xóa bỏ các chợ bị đánh giá là chợ tạm, chợ không có tổ chức" (Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 2014: 9).

Trước sự cạnh tranh gay gắt của các loại hình bán lẻ hiện đại, như siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, mà trong cuộc cạnh tranh này, người tiêu dùng có quyền lựa chọn hàng hóa và dịch vụ phục vụ tốt hơn, hệ thống chợ truyền thống miền Đông Nam Bộ buộc phải thay đổi nhiều mặt nếu muốn tồn tại. Trước hết là sự thay đổi về tư duy quản lý. Trước đây các chợ chỉ do Nhà nước quản lý, nay có thể giao cho tư nhân quản lý thông qua việc thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh buôn bán ở các chợ (chẳng hạn tại các chợ mới thành lập những năm gần đây: chợ Thủ Đức, chợ Bình Điền (TPHCM); chợ Hàng Bông Phú Hòa (Bình Dương); chợ Dầu Giây (Đồng Nai)... Để thu hút khách hàng, phần lớn các chợ truyền thống đều đã được nâng cấp cải tạo, nhiều chợ được xây mới, tạo nên hình ảnh các ngôi chợ khang trang sạch sẽ. Bên cạnh đó, các chợ cũng có các biện pháp để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm soát

nguồn hàng, đảm bảo hàng hóa phong phú, hạn chế hàng hóa kém chất lượng, hàng giả. Công tác an ninh, an toàn, chống trộm cướp, cháy nổ cũng được các chợ chú ý. Các tiểu thương được bồi dưỡng kỹ năng buôn bán, văn hóa bán hàng trung thực, văn minh, lịch sự với phương châm "khách hàng là thượng đế". Nhìn chung cơ sở vật chất và chất lượng hoạt động của chợ truyền thống đã thay đổi nhiều theo hướng tích cực.

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong việc quy hoạch đầu tư phát triển, trong quản lý điều hành, thay đổi phương thức thanh toán... hệ thống chợ còn tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém trong thời gian qua. Nhiều chợ truyền thống được Nhà nước xây dựng khang trang, hiện đại nhưng ít người đến mua bán, hiệu quả sử dụng thấp, gây lãng phí. Đặc biệt có tình trạng nhiều chợ được Nhà nước, nhà đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại nhưng người dân không tham gia hoạt động mua, bán tại đây, như các chợ Tân Biên (Biên Hòa), chợ Vĩnh Tân (Vĩnh Cửu), chợ Cẩm Mỹ (Cẩm Mỹ), chợ Sông Trầu (Trảng Bom) của tỉnh Đồng Nai; chợ Tân Hưng (Đồng Phú), chợ biên giới Hoàng Diệu (Bù Đốp), chợ Minh Đức (Hớn Quản) của tỉnh Bình Phước... Điều đó chứng tỏ qui hoạch xây dựng chợ ở các địa phương không sát với nhu cầu thực tế tại chỗ.

4. MỘT SỐ NHẬN XÉT

Như vậy, sự tồn tại và phát triển của các chợ truyền thống ở miền Đông

Nam Bộ, cũng như của cả nước sau năm 1975 có sự gắn bó chặt chẽ với các đường lối chủ trương của Đảng, Nhà nước và sự thăng trầm của nền kinh tế. Sau một thời gian ngắn chịu ảnh hưởng của chính sách "cải tạo thương nghiệp xã hội chủ nghĩa" và "ngăn sông cấm chợ", khiến cho hoạt động bị suy giảm, các chợ truyền thống đã hồi sinh mạnh mẽ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới. Hệ thống chợ truyền thống miền Đông Nam Bộ đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đặc biệt là các chợ tại TPHCM.

Qua các thời kỳ, tùy vào bối cảnh kinh tế xã hội mà hệ thống chợ truyền thống có sự phát sinh các hình thức biến tướng, như buôn lậu, "chợ đen", "chợ tạm", "chợ tự phát"... Các hình thức biến tướng này, tuy bị đánh giá là không tích cực, nhưng thực tế nó ra đời bởi qui luật cung cầu và góp phần đáp ứng nhu cầu dân sinh tại địa phương trong những thời điểm chợ truyền thống bị ảnh hưởng bởi các chính sách bao cấp, hoặc chỉ đơn giản là do chưa phát triển kịp theo nhu cầu dân cư. Vì vậy, trong việc qui hoạch chợ hiện nay cần xem xét kỹ các yếu tố tích cực, mang tính gợi ý từ sự hình thành các chợ tạm và chợ tự phát này.

Trong những năm gần đây, chợ truyền thống ở miền Đông Nam Bộ, khu vực kinh tế phát triển nhất trong cả nước, vẫn được coi trọng và tiếp tục được nâng cấp, xây dựng thêm,

dù bị cạnh tranh gay gắt bởi hệ thống bán lẻ hiện đại (siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích...). Điều này thể hiện sức sống của chợ truyền thống trong nền kinh tế - xã hội Việt Nam. Vì vậy hoạt động của chợ

truyền thống cần được tiếp tục nghiên cứu nhằm tìm hiểu rõ hơn mối tương quan giữa chợ truyền thống và sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và vai trò của chợ truyền thống trong tương lai. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Theo Đức Vương (2014: 37-38): "Đất nước lúc này vẫn duy trì chế độ tập trung, bao cấp, dẫn đến quan liêu. Hàng hóa đều được bán theo tem phiếu, bia mua hàng, sổ gạo phát cho từng gia đình. Việc mua gạo cũng rất khổ sở. Người dân phải xếp hàng từ sáng sớm. Ai có việc phải đi ra ngoài một chút, phải để "cục gạch" thay thế. Bia mua hàng lúc ấy, ghi ô số 1, bán bốn mặt hàng: mứt hộp, bóng bì, mì chính, hạt tiêu; ô số 2 bán bánh đa nem; ô số 3 bán thuốc lá; ô số 4 bán chè; ô số 5 bán thịt; ô số 6 bán nước mắm... Các mặt hàng trên đều ghi rõ thời gian quy định. Quá thời hạn loại tem phiếu đó không còn giá trị. Tem phiếu thời bao cấp gây nhiều chuyện rắc rối".

⁽²⁾ Các Sở Thương mại (Sở Công thương) của các tỉnh đều xây dựng đề án, kế hoạch, chiến lược phát triển chợ truyền thống. Với vị trí đầu tàu kinh tế miền Đông Nam Bộ, hệ thống chợ truyền thống TPHCM phát triển mạnh nhất nước. Vì vậy, Ủy ban Nhân dân TPHCM ban hành Quyết định số 144/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003 về *Quy hoạch phát triển hệ thống mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại của 22 quận huyện trên địa bàn TPHCM đến năm 2010*; Quyết định số 17/2009/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 về *Quy hoạch định hướng phát triển hệ thống chợ - siêu thị - trung tâm thương mại trên địa bàn TPHCM giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2015...* Tỉnh Bình Dương chủ động đề ra chiến lược phát triển hệ thống chợ truyền thống với Quyết định số 09/2006/QĐ-UBND ngày 12/01/2006 về phương án quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn (2006-2010); Quyết định số 4141/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 về Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2010... Đồng Nai với lợi thế kết nối thuận lợi các địa phương miền Đông Nam Bộ đã sớm đề ra chiến lược phát triển hệ thống thương mại toàn tỉnh với Quyết định số 4390/QĐ-UBND ngày 14/12/2007 Quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Đồng Nai giai đoạn (2011-2020) và định hướng đến năm 2025; Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 Quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025... Các địa phương Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Phước đều đề ra các quyết định phát triển hệ thống chợ truyền thống đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, hội nhập khu vực và thế giới.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Thương mại. 1996. Quyết định số 15-TM/CSTTTN. *Hướng dẫn tổ chức và quản lý chợ*. Tài liệu lưu trữ.
2. Bộ Thương mại. 2000. Chỉ thị số 1109/TM-CSTNTN. *Quy hoạch mạng lưới chợ*. Tài liệu lưu trữ.

3. Chính phủ. 2003. Nghị định 02/2003/NĐ-CP. *Phát triển và quản lý chợ*. Tài liệu lưu trữ.
4. Đặng Phong. 2015. *Phá rào trong kinh tế vào đêm trước đổi mới*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
5. Đặng Phong. 2015. *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975-1989*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
6. Đức Vương. 2014. *Việt Nam từ thời kỳ bao cấp đến thời kỳ đổi mới*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cục Văn bản Nhà nước. 1982. *Về tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường*.
8. Huỳnh Đức Thiện. 2012. *Những chuyển biến kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (1993-2008)*. Luận án tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM.
9. Phan Xuân Biên. 2015. Kỷ yếu Hội thảo quốc gia. *TPHCM 40 năm phát triển, hội nhập những mốc son và những sự kiện lịch sử*. Tài liệu Hội thảo khoa học. TPHCM.
10. Thành ủy TPHCM. 1983. *Văn kiện Đại hội đại biểu lần II (1980-1983)*. Tài liệu lưu trữ Ban Tuyên giáo Thành ủy TPHCM.
11. Thành ủy TPHCM. 1985. *Văn kiện Đại hội đại biểu giữa nhiệm kỳ lần III (1984-1985)*. Tài liệu lưu trữ Ban Tuyên giáo Thành ủy TPHCM.
12. Thành ủy TPHCM. 1991. *Văn kiện Đại hội đại biểu lần V (1991-1995)*. Tài liệu lưu trữ Ban Tuyên giáo Thành ủy TPHCM.
13. Thủ tướng Chính phủ. 2003. Nghị định 02/2003/NĐ-CP. *Phát triển và quản lý chợ*. Tài liệu lưu trữ.
14. Tỉnh ủy Bình Dương. 2001. *Văn kiện Đại hội đại biểu lần VII (2001-2005)*. Tài liệu lưu trữ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Dương.
15. Tỉnh ủy Đồng Nai. 1983. *Văn kiện Đại hội đại biểu lần III*. Tài liệu lưu trữ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai.
16. Tỉnh ủy Đồng Nai. 2001. *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ VII (2001-2005)*. Nxb. Đồng Nai.
17. Tỉnh ủy Đồng Nai. 2006. *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ VIII (2006-2010)*. Nxb. Đồng Nai.
18. Tỉnh ủy Sông Bé. 1985. *Văn kiện Đại hội đại biểu lần III (1983-1985)*. Tài liệu lưu trữ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Dương.
19. Tỉnh ủy Sông Bé. 1996. *Văn kiện Đại hội đại biểu lần VI (1996-2000)*. Tài liệu lưu trữ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Dương.
20. Tổng cục Thống kê (2011), *Niên giám Thống kê*. Nxb. Thống kê.
21. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. 2005. *Địa chí Bà Rịa - Vũng Tàu*. Nxb. Khoa học Xã hội.
22. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. 2014. Quyết định số 2942/QĐ-UBND. *Phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại và hệ thống chợ tỉnh giai đoạn 2013-2025*. Tài liệu lưu trữ của Sở Công thương Bà Rịa - Vũng Tàu.

23. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. 2006. Quyết định số 09/2006/QĐ-UBND. *Phương án quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn (2006-2010)*. Tài liệu lưu trữ của Sở Công thương Bình Dương.
24. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. 2011. Quyết định số 4020/QĐ-UBND. *Phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*. Tài liệu lưu trữ của Sở Công thương Bình Dương.
25. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. 2011. Quyết định số 4141/QĐ-UBND. *Về phê duyệt phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020*. Tài liệu lưu trữ của Sở Công thương Bình Dương.
26. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai. 2007. Quyết định số 4390/QĐ-UBND. *Quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*. Tài liệu lưu trữ của Sở Công thương Đồng Nai.
27. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai. 2014. Quyết định số 1284/QĐ-UBND. *Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Đồng Nai giai đoạn (2011-2020) và định hướng đến năm 2025*. Tài liệu lưu trữ của Sở Công thương Đồng Nai.
28. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai. 2015. Quyết định số 319/QĐ-UBND. *Quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025*. Tài liệu lưu trữ của Sở Công thương Đồng Nai.
29. Ủy ban Nhân dân TPHCM. 2003. Quyết định số 144/2003/QĐ-UB. *Về Quy hoạch phát triển hệ thống mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại của 22 quận huyện trên địa bàn TPHCM đến năm 2010*. Tài liệu lưu trữ của Sở Công thương TPHCM.
30. Ủy ban Nhân dân TPHCM. 2009. Quyết định số 41/2009/QĐ-UBND. *Về phê duyệt đề án phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn TPHCM từ nay đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020*. Tài liệu lưu trữ của Sở Công thương TPHCM.
31. Văn kiện Đảng toàn tập. 2004, tập 36. *Thương nghiệp*. Nxb. Chính trị Quốc gia.
32. Văn kiện Đảng. 2009. *Về phát triển kinh tế trong thời kỳ đổi mới*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.